

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH ĐỊA CHẤT HỌC
MÃ SỐ NGÀNH: 9440201**

(Ban hành kèm Quyết định số 898B /QĐ-KHTN, ngày 10 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

1. Thời gian đào tạo:

- Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: 4 năm
- Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: 3 năm.

2. Hình thức đào tạo: chính qui

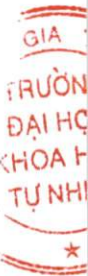
3. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Đối tượng NCS	Tổng số tín chỉ (TC)	Trong đó gồm			Luận án tiến sĩ
		Học phần bổ sung	Học phần trình độ tiến sĩ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
- NCS đã có bằng cử nhân ngành đúng hoặc phù hợp, nhưng chưa có bằng thạc sĩ. - NCS có bằng thạc sĩ ngành khác.	≥ 130	≥ 30	09	11-12	80
NCS đã có bằng thạc sĩ ngành gần.	≥ 115	≥ 15	09	11-12	80
NCS đã có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp.	≥ 100	0	09	11-12	80

4. Khung chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
A		Học phần bổ sung			
A1.		<i>Môn học bắt buộc</i>	10		
1	MDC001	Thạch luận đá magma và biến chất	3	2	1
2	MDC002	Trầm tích luận	2	1.5	0.5
3	MDC004	Kiến tạo học	2	1.5	0.5
4	MDC003	Địa chất khoáng sản	3	2	1

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
A2.		Môn học tự chọn			
1	MDC005	Cấu tạo địa chất và phương pháp lập Bản đồ địa chất	2	1.5	0.5
2	MDC007	Sinh khoáng học	2	1.5	0.5
3	MDC006	Địa chất Đệ tứ và vỏ phong hóa	2	1.5	0.5
4	MDC009	Khoáng sản và phương pháp tìm kiếm trong các thành tạo địa chất Đệ tứ và vỏ phong hoá	2	1.5	0.5
5	MDC011	Địa chất đới ven biển	2	1.5	0.5
6	MDC012	Địa chất môi trường	2	1.5	0.5
7	MDC013	Tài nguyên môi trường đất	2	1.5	0.5
8	MDC014	Tài nguyên môi trường nước	2	1.5	0.5
9	MDC015	Môi trường trầm tích	2	1.5	0.5
10	MDC016	Địa hoá dầu khí ứng dụng cho tìm kiếm thăm dò	2	1.5	0.5
11	MDC017	Phân tích bôn trong công tác tìm kiếm thăm dò khoáng sản và dầu khí	2	1.5	0.5
12	MDC018	Sự thành tạo và các tích tụ dầu khí	2	1.5	0.5
13	MDC019	Địa chất dầu khí	2	1.5	0.5
14	MDC042	Địa chất Việt Nam	3	2	1
15	MDC043	Địa hóa học nâng cao	2	1.5	0.5
B		Học phần trình độ tiến sĩ	20-21		
B1.		Học phần bắt buộc	9	7	2
1	TLTQ	Tiểu luận tổng quan	3	3	
2	CĐĐC	Chuyên đề tiến sĩ 1	3	2	1
3	CĐĐC	Chuyên đề tiến sĩ 2	3	2	1
B2.		Học phần tự chọn (chọn 4 - 6 môn học)	11 - 12	8 - 9	3 - 4
1	DĐC001	Địa chất tai biến	2	1.5	0.5
2	DĐC002	Địa thống kê	2	1.5	0.5
3	DĐC003	Ứng dụng GIS và viễn thám trong địa chất	3	2	1
4	DĐC004	Tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại	2	1.5	0.5



STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
5	DĐC005	Địa tầng học và phương pháp nghiên cứu	2	1.5	0.5
6	DĐC006	Địa chất đồng vị	2	1.5	0.5
7	DĐC007	Địa chất biển và các phương pháp nghiên cứu	2	1.5	0.5
8	DĐC008	Tài nguyên khoáng sản biển và các phương pháp tìm kiếm - thăm dò	3	2.0	1.0
C	DLA	Luận án tiến sĩ	80		80
D		Bài báo khoa học (*)	-	-	-

(*) Qui định bài báo khoa học

- Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải có ít nhất hai bài báo khoa học (*nghiên cứu sinh là tác giả chính; tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (corresponding author); có ghi tên trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM theo tên NCS.*).

- Quy cách trình bày tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, tên ĐHQG-HCM vào thông tin tên Nghiên cứu sinh trong các bài báo khoa học như sau:

Tiếng Việt:

Ví dụ họ tên nghiên cứu sinh: Nguyễn Văn A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ PTN cấp khoa hoặc/Bộ môn (nếu có nhu cầu ghi), **PTN cấp Trường/Trung tâm/Viện/Khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam** (hai cấp độ tổ chức được in đậm là bắt buộc phải ghi; cấp PTN thuộc Khoa/Bộ môn là không bắt buộc)

⁽²⁾ Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

⁽³⁾ Đơn vị ngoài (do học viên đăng ký, có xác nhận của CBHD trong đề cương).

Tiếng Anh:

Ví dụ họ tên nghiên cứu sinh: Nguyen Van A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ Laboratory.../Department..., **Laboratory/Center/Institute/Faculty, University of Science, Ho Chi Minh City, Vietnam** (hai cấp in đậm là bắt buộc phải ghi)

⁽²⁾ Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

⁽³⁾ Others

